TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2020
V/v: *"Xin ly hôn''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Ông Lê Anh Giàu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 487/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Liễu N, sinh năm 1956(có mặt);
* *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1950(vắng mặt);
Cùng trú tại: Số 347/3 Ấp B, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Liễu N trình bày:

Bà và ông Lê Hoàng L kết hôn với nhau từ năm 1977 nhưng đến ngày 13/8/2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng trong thời gian 04 năm đầu thì hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L đi làm ăn xa một hai tháng mới về nhà một lần nhưng cũng không đưa tiền cho bà phụ lo các con. Vợ chồng cải vả nhau thường xuyên do ông L không có trách nhiệm với gia đình và bà đã làm đơn ly hôn vào năm 2015 và năm 2016. Nhưng do bà muốn cho ông L có cơ hội sửa đổi bản thân, gia đình hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên cho đến nay ông L vẫn không thay đổi mà phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn, vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Hiện tại, bà xác định không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu xin được ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Bích L, sinh ngày 15/4/1979, Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 09/10/1980 và Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/9/1982 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung : tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: không có;

Ông Lê Hoàng L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án nên ông L không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại xã SĐ, thành phố BT nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã tống đạt thông báo hòa giải và công khai chứng cứ nhiều lần nhưng ông L vẫn không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố BT đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 10/3/2020 nhưng ông L vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án hoãn phiên tòa. Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2020 để triệu tập cho ông L tham gia phiên tòa lần thứ 3 nhưng ông L vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Hoàng L là đúng quy định pháp luật.

[3] Bà Lê Thị Liễu N và ông Lê Hoàng L kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N trình bày là do ông L thiếu trách nhiệm với gia đình, ông L đi làm không đưa tiền phụ vợ nuôi con. Vợ chồng cải vả nhau thường xuyên và bà đã làm đơn ly hôn vào năm 2015 và 2016 nhưng sau đó rút đơn xin ly hôn để cho ông L có cơ hội sửa đổi, hàn gắn lại hạnh phúc gia đình mình. Tuy nhiên, đến nay ông L vẫn không thay đổi. Vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ năm 2016, nay bà xác định không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu ly hôn.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông L thực tế đã xảy ra. Bà đã làm đơn xin ly hôn 02 lần vào tháng 02 năm 2015 và tháng 7 năm 2016 nhưng bà đã rút đơn xin ly hôn để hàn gắn hạnh phúc gia đình bà, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án; Tuy nhiên, đến nay bà lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà vẫn không được cải thiện.

Tòa án đã mời ông L đến hòa giải nhiều lần nhưng ông vẫn không đến hòa giải, điều này chứng tỏ ông L có thái độ bỏ mặc và không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông L với bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cầu xin ly hôn của bà N đối với ông L là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà NL.

[5] Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Bích L, sinh ngày 15/4/1979, Lê Thị Ngọc Th, sinh ngày 09/10/1980 và Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/9/1982, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà NL khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Do bà N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Liễu N cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị Liễu N được ly hôn ông Lê Hoàng L.

- *Về con chung*: có 03 con chung tên Lê Thị Bích L, sinh ngày 15/4/1979, Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 09/10/1980 và Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 02/9/1982, các con đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Bà Lê Thị Liễu N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Liễu N được miễn nộp.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà Lê Thị Liễu N được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Ông Lê Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND xã SĐ, TP BT;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng **Lê Anh Giàu** **Nguyễn Thị Đoan Trang**